

Số: 21 /2018/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 17 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về quản lý hoạt động đo đạc và
bản đồ trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 21/2013/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục bí mật Nhà nước độ tối mật trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 05 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính;

Căn cứ Thông tư số 46/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 49/2015/TT-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ công trình xây dựng đo đạc;

Căn cứ Thông tư số 63/2015/TT-BTNMT ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ;

Căn cứ Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;



Căn cứ Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2017 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 392/TTr-STNMT ngày 30 tháng 8 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm phối hợp với các Sở, Ban, Ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 10 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Các PVP UBND tỉnh;
- TT Công báo - Tin học (đăng công báo);
- Lưu: VT, CH, MT (QĐ 20).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Lê Minh Chiến

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2A /2018/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

b) Những nội dung không nêu trong Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ.

Điều 2. Áp dụng Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000

1. Bản đồ các chuyên ngành, khi thành lập phải áp dụng Hệ tọa độ quốc gia VN-2000 theo Quyết định số 83/2000/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia Việt Nam. Các thông số kỹ thuật áp dụng theo Thông tư số 973/2001/TT-TCĐC ngày 20 tháng 6 năm 2001 của Tổng cục Địa chính về việc hướng dẫn áp dụng Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000.

2. Bản đồ chuyên ngành phải thực hiện bằng công nghệ số, lý lịch bản đồ (Hệ tọa độ, tỷ lệ, thời điểm thực hiện, phương pháp thành lập, tài liệu gốc để đo vẽ) thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Bản đồ được thành lập trước đây theo Hệ tọa độ HN-72 phải chuyển sang Hệ tọa độ quốc gia VN-2000 để sử dụng.

**Chương II
QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

Điều 3. Quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Các tổ chức hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ quy định tại Điều 10 của Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ phải có giấy phép còn hiệu lực pháp luật do Cục Đo đạc và bản đồ Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

Tổ chức, cá nhân liên quan phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư số 46/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ phải được kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu theo quy định của pháp luật trước khi đưa vào sử dụng.

Điều 4. Lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc và bản đồ

1. Đối với các thiết kế kỹ thuật - dự toán thành lập hệ thống bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính, thành lập bản đồ hành chính cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định thiết kế kỹ thuật, Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Nội dung thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc bản đồ địa chính thực hiện theo Quy định tại Điều 21 của Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính.

3. Trường hợp trích đo địa chính, chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng, giao đất; trích đo địa chính phục vụ quy hoạch phân lô bán đấu giá, chủ đầu tư lập phương án thi công gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trước khi phê duyệt phương án.

Phạm vi đo đạc được xác định trong phương án thi công và phải bảo đảm các nguyên tắc:

- Đối với khu vực đã có bản đồ địa chính, bản trích đo địa chính thửa đất, căn cứ phương án thi công đã được phê duyệt để xác định ranh giới và diện tích phần đất thu hồi trên thực địa, thực hiện chỉnh lý trên bản đồ địa chính, bản trích đo địa chính và hồ sơ địa chính.

- Đối với khu vực chưa có bản đồ địa chính, các thửa đất bị thu hồi một phần hoặc toàn bộ thì phải đo vẽ trọn từng thửa đất, bao gồm cả phần diện tích bị thu hồi và phần diện tích còn lại của thửa đất, lập bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất, phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất để phục vụ việc giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ tái định cư và cập nhật, chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính (nếu có).

4. Nội dung phương án thi công về đo đạc và bản đồ bao gồm:

- a) Căn cứ để lập phương án;
- b) Tóm tắt mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;
- c) Tóm tắt giải pháp kỹ thuật và tổ chức thực hiện;
- d) Kinh phí thực hiện.

5. Đối với các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh có hạng mục đo đạc và bản đồ sử dụng ngân sách nhà nước, chủ đầu tư lập Phương án thi công về nội dung đo đạc và bản đồ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định

kỹ thuật; Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí trước khi trình cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt.

Điều 5. Kinh phí thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Đối với các hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành, phục vụ yêu cầu quản lý của tỉnh do ngân sách nhà nước bảo đảm.

2. Đối với các hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành, hoạt động phục vụ cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân do tổ chức, cá nhân tự bảo đảm.

Điều 6. Kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Các cơ quan trên địa bàn tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh giao làm chủ đầu tư các nhiệm vụ có hạng mục đo đạc và bản đồ có trách nhiệm kiểm tra; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm theo quy định.

2. Các tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ phải chịu trách nhiệm về chất lượng các hạng mục do mình thực hiện.

3. Quy định về kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện theo Thông tư số 63/2015/TT-BTNMT ngày 21 tháng 12 năm 2015 và Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 7. Quản lý lưu trữ thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ về hệ thống điểm đo đạc cơ sở, bản đồ địa hình, bản đồ địa chính, bản đồ hành chính cấp huyện, các loại bản đồ chuyên đề, cơ sở dữ liệu địa lý và hệ thống thông tin địa lý phục vụ cho mục đích chuyên dụng của địa phương và các thông tin, dữ liệu đo đạc bản đồ khác do Bộ Tài nguyên và Môi trường bàn giao.

2. Thông tin, dữ liệu về hệ thống bản đồ địa chính, cơ sở dữ liệu bản đồ địa chính, bản đồ hành chính cấp huyện, các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ phục vụ quản lý đất đai khác giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành khác thực hiện từ nguồn ngân sách địa phương, thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành do tổ chức, cá nhân tự bảo đảm kinh phí thực hiện, giao nộp theo quy định của pháp luật chuyên ngành; đồng thời, chủ đầu tư có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường một (01) bản sao các sản phẩm.

4. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ do các tổ chức, cá nhân nước ngoài trực tiếp hoặc hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước có triển khai thực hiện công trình trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, sau khi hoàn thành dự án có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường một (01) bản sao dữ liệu sản phẩm cuối cùng.

5. Trình tự giao nộp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.

Điều 8. Cung cấp, khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp, xác nhận nguồn gốc hợp pháp của thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ trong phạm vi quản lý theo Quy định này.

2. Thủ tục cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thực hiện theo Điều 10 của Thông tư số 48/2015/TT-BTNMT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.

3. Việc quản lý, lưu trữ, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, về sở hữu trí tuệ, về lưu trữ và theo các quy định của pháp luật có liên quan khác.

4. Chỉ được cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ dưới dạng bản sao hoặc phiên bản.

5. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp chỉ được sử dụng đúng mục đích khi yêu cầu cung cấp, không được sao lại hoặc chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác. Trường hợp sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ được cung cấp để thành lập các bộ dữ liệu thứ cấp với mục đích thương mại thì phải được sự đồng ý của cơ quan cung cấp.

5. Tổ chức, cá nhân được quyền khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ vào hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thẩm quyền cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp, xác nhận nguồn gốc hợp pháp của thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ theo quy định này và các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ do Bộ Tài nguyên và Môi trường bàn giao.

Chương III TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 10. Trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm như sau:

a) Thẩm định hồ sơ xin cấp Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của các tổ chức có nhu cầu trên địa bàn tỉnh;

b) Quản lý chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ địa chính trên địa bàn tỉnh;

c) Thẩm định về sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ của nội dung đo đạc và bản đồ trong các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước do các Sở, Ban, Ngành thực hiện phục vụ chuyên dụng trên địa bàn tỉnh;

d) Quản lý, cập nhật, cung cấp, khai thác sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh;

đ) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ, xử lý vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện báo cáo hàng năm với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình hoạt động đo đạc bản đồ trên địa bàn tỉnh;

g) Cập nhật hàng năm, đăng tải danh mục thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý trên Trang thông tin điện tử của Sở;

h) Xây dựng và ban hành các hướng dẫn về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định theo phân cấp các dự toán về đo đạc và bản đồ sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Các Sở, Ban, Ngành khi thực hiện các dự án có hạng mục đo đạc và bản đồ lập phương án thi công gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định chất lượng theo các quy định về quản lý chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc, bản đồ và bàn giao sản phẩm bản đồ theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Theo dõi, giám sát các hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn quản lý;

b) Quản lý, sử dụng và bảo vệ các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn; báo cáo hiện trạng các dấu mốc đo đạc trên địa bàn về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hàng năm;

c) Phối hợp với chủ đầu tư, đơn vị thi công đo đạc trong việc triển khai thực hiện các hoạt động đo đạc và bản đồ;

d) Phối hợp với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai trong việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính;

đ) Thực hiện lưu trữ hồ sơ theo quy định để phục vụ công tác cập nhật, chỉnh lý kịp thời, đồng bộ.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm:

a) Theo dõi, giám sát các hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn quản lý;

b) Quản lý, sử dụng và bảo vệ công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn theo quy định;

c) Phối hợp với Chủ đầu tư, đơn vị thi công đo đạc trong việc triển khai thực hiện, xác nhận hiện trạng sử dụng đất, ranh giới sử dụng đất, tình trạng pháp lý sử dụng đất trên địa bàn;

d) Thực hiện lưu trữ hồ sơ theo quy định để phục vụ công tác cập nhật, chỉnh lý kịp thời, đồng bộ;

đ) Quản lý, bảo vệ và ngăn chặn các hành vi xâm hại các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn xã;

e) Cập nhật các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn xã, bổ sung phần ghi chú vào sổ địa chính về dấu mốc đo đạc trên thửa đất;

g) Tuyên truyền, phổ biến các quy định về quản lý, bảo vệ công trình xây dựng đo đạc để người dân tại địa phương có trách nhiệm bảo vệ dấu mốc đo đạc không bị xô dịch, phá hủy hoặc làm hư hỏng;

h) Thường xuyên kiểm tra, khi phát hiện thấy các dấu mốc đo đạc bị xâm hại hoặc có khả năng bị xâm hại thì phải báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện về hiện trạng và nguyên nhân xâm hại dấu mốc đo đạc;

i) Đối với trường hợp phải di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc có trên thửa đất hoặc gắn vào công trình kiến trúc theo yêu cầu của chủ sử dụng đất hoặc chủ sở hữu công trình về việc xin di chuyển hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện để giải quyết. Việc di dời hoặc hủy bỏ dấu mốc đo đạc chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của cơ quan quản lý công trình xây dựng đo đạc.

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân

1. Tổ chức và cá nhân thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ phải tuân theo quy định của pháp luật và Quy định này; được sử dụng các sản phẩm đo đạc, bản đồ và có trách nhiệm nộp phí và lệ phí khai thác, cung cấp thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ theo quy định.

2. Tổ chức và cá nhân có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức và cá nhân không được cản trở hoặc gây khó khăn cho người có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ về đo đạc và bản đồ.

4. Khuyến khích các tổ chức và cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật; nghiêm cấm các hoạt động đo đạc và bản đồ gây hại hoặc có nguy cơ gây hại cho quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

5. Đề xuất và kiến nghị với cơ quan quản lý về xuất bản định chỉ phát hành, thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về việc thể hiện chủ quyền quốc gia, địa giới hành chính, địa danh; sản phẩm bản đồ có sai sót nghiêm trọng về kỹ thuật hoặc có nội dung thuộc phạm vi nghiêm cấm theo quy định của Luật Xuất bản.

Chương IV CHẾ ĐỘ BÁO CÁO TRONG HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 13. Chế độ báo cáo, trách nhiệm lập và nộp báo cáo tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ được lập định kỳ mỗi năm một (01) lần, tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm. Ngoài việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ, tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có trách nhiệm báo cáo đột xuất về tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ theo yêu cầu đó.

2. Trách nhiệm lập và nộp báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ được quy định như sau:

a) Tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm lập báo cáo theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BTNMT ngày 30/10/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ. Báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường chậm nhất vào ngày 10 tháng 01 hàng năm;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập báo cáo theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BTNMT ngày 30/10/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ. Báo cáo gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam trước ngày 20 tháng 01 hàng năm;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố báo cáo hiện trạng các công trình xây dựng đo đạc trên địa bàn theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BTNMT ngày 30/10/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chế độ báo cáo trong hoạt động đo đạc và bản đồ. Báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 05 tháng 01 hàng năm.

3. Cơ quan, tổ chức lập và nộp báo cáo phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, thông tin trong báo cáo.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Xử lý các vi phạm hành chính trong hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc bản đồ; Nghị định số 84/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy

định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Cán bộ, công chức Nhà nước lợi dụng chức vụ, quyền hạn có hành vi vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành có liên quan có trách nhiệm triển khai, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các nội dung thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị các đơn vị, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. *ML*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Chiến